

TƯ DUY TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN GIA THO*

Tóm tắt: Bài viết phân tích những thành tố chính của tư duy truyền thống của người Việt Nam: văn hóa bản địa, đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão, chủ nghĩa Mác-Lênin, đạo Công giáo... Tuy nhiên, trong các yếu tố đó thì bốn yếu tố đầu có sức sống bền vững nhất, vì chúng tồn tại hàng nghìn năm. Tư duy truyền thống có mặt trái là: thiên về kinh nghiệm, trọng tình hơn lý... Để khắc phục những mặt trái của tư duy truyền thống đó, mỗi người Việt Nam cần không ngừng trau dồi tư duy khoa học. Bên cạnh đó, song song với việc xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Tư duy, truyền thống, kinh nghiệm, tiểu nông.

Công cuộc đổi mới của Việt Nam được bắt đầu từ đổi mới tư duy, vì tư duy có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của con người. Tuy công cuộc đổi mới đã kéo dài gần ba thập kỷ, nhưng trên thực tế cho đến nay, tư duy của người Việt Nam vẫn chậm đổi mới so với yêu cầu phát triển của đất nước.

Trong thời đại ngày nay, không một nước nào có thể đứng ngoài quá trình toàn cầu hóa mà có thể phát triển một cách bền vững. Vì vậy, hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu của nước ta. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Phải tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ

động tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả”⁽¹⁾.

Chúng ta đều biết, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội với một xuất phát điểm rất thấp, lại phải trải qua chiến tranh liên miên, nên gặp không ít khó khăn trên con đường phát triển. Với xuất phát điểm như vậy, chúng ta không tránh khỏi những hạn chế của tư duy truyền thống. Để khắc phục những mặt hạn chế của tư duy truyền thống, chúng ta phải nhận

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 102.

diện được những mặt hạn chế đó là gì? Trước hết, cần làm rõ “tư duy truyền thống của người Việt Nam” là gì? Nó gồm những thành tố nào?

Có tác giả cho rằng, cấu trúc của tư duy truyền thống của người Việt Nam bao gồm bốn yếu tố chính: văn hóa bản địa (từ văn hóa Đông Sơn, văn hóa Đồng Đậu, văn hóa Gò Mun... đến văn hóa thời đại các Vua Hùng), đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão. Theo chúng tôi, bốn yếu tố đó chưa bao quát hết được khái niệm “tư duy truyền thống của người Việt Nam”. Ngoài bốn thành tố đó ra, phải kể đến: chủ nghĩa Mác - Lênin (đã du nhập vào Việt Nam gần một thế kỷ nay), văn hóa Pháp, đạo Công giáo (cũng khoảng 80 năm), văn hóa Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam đã hình thành hệ tư tưởng chủ đạo cùng với hệ thống chính trị xã hội xã hội chủ nghĩa theo mô hình Liên Xô khoảng ba thập kỷ ở miền Bắc và đã hình thành nên cái gọi là “văn hóa tư duy thời bao cấp”. Tất cả những thành tố kể trên đã hòa quyện vào nhau làm thành một dòng chảy “tư duy truyền thống” của người Việt Nam. Tuy nhiên, trong các thành tố kể trên của “tư duy truyền thống” thì: văn hóa Bản địa, Đạo Nho, Đạo Phật, Đạo Lão có sức mạnh bền vững nhất, vì chúng có bề dày hàng nghìn năm gắn liền với nền văn minh lúa nước ở Việt Nam.

Việt Nam có hàng ngàn năm lịch sử, hiện nay về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp. Hàng ngàn năm canh tác nền nông nghiệp lúa nước đã hình thành nên một phong cách *tư duy tiểu nông*. Tư duy tiểu nông mà đặc điểm nổi bật của nó là *tư duy kinh nghiệm* đã phát huy được những mặt mạnh vào thời của nó. Qua hàng ngàn năm canh tác nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), người nông dân Việt Nam đã đúc rút nên những tri thức kinh nghiệm vô cùng quý báu phục vụ cho công việc và đời sống của mình. Ví dụ như tri thức kinh nghiệm đoán thời tiết (“chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng bay vừa thì râm”, “ráng mỡ gà, ai có nhà phải chống”, “rễ tre vàng thì nắng, rễ tre trắng thì mưa”, “tháng tám mưa ra, tháng ba mưa vào”); kinh nghiệm trồng trọt: (“khoai đất lạ, mạ đất quen”, “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”); kinh nghiệm chọn giống vật nuôi: (“gà đen chân trắng, mẹ mắng cũng mua; gà trắng chân chì, mua chi giống ấy”...). Những tri thức kinh nghiệm như vậy tuy ngày nay vẫn còn có ích nhưng đối với yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại dựa trên một nền khoa học, kỹ thuật tiên tiến thì không đáp ứng được. Đối với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần có một tư duy khoa học có độ chính xác cao hơn, tầm nhìn dài hơn. Ngày nay, một số biểu hiện của tư duy

tiểu nông (như tùy tiện, được chăng hay chớ, lãng phí thời gian... không những không đáp ứng, mà còn cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Một biểu hiện nữa của lối tư duy tiểu nông là “an phận thủ thường”, “gió chiều nào che chiều ấy”, “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”, “đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy”... Lối tư duy an phận này có thể hữu ích ở một chừng mực nào đó trong cuộc sống “làng, xã”, nhưng trong cuộc sống hiện đại thì không còn phù hợp, thậm chí trở thành lực cản.

Các biểu hiện của tư duy tiểu nông do cuộc sống ngàn đời của người nông dân hình thành nên. Do yêu cầu cần phải đoàn kết trong canh tác đối phó với những bất thường của thiên nhiên cũng như chống giặc từ bên ngoài, nên ở người Việt Nam sớm hình thành ý thức cộng đồng - một yếu tố đặc biệt trong trường tồn lịch sử của người Việt Nam. Cá thể và cộng đồng cùng một nỗi lo, cùng chia sẻ niềm vui. Sống giữa “tình làng, nghĩa xóm”, người Việt Nam cảm thấy vững tâm, đồng thời cảm thấy lẻ loi khi phải xa rời những mối quan hệ huyết thống, quan hệ xóm giềng. Từ đó hình thành nên quan niệm sống như: “chết đồng hơn sống một người”, “một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”, “một giọt máu đào hơn ao nước lã”, “sống bằng mồ bằng mã, không ai sống bằng cả bát

cơm”, “bán anh em xa, mua láng giềng gần”... Quan niệm sống ấy đề cao vai trò của *các mối quan hệ xã hội*; từ đó hình thành nên *tư duy quan hệ*: trước khi giải quyết các công việc chuyên môn thì phải thiết lập *các mối quan hệ*. Tàn dư của tư duy quan hệ ngày nay còn biểu hiện khá rõ. Chẳng hạn, trong công việc kinh doanh, nhiều doanh nhân cho rằng nếu không có “quan hệ” với các chính trị gia thì công việc kinh doanh của họ khó mà tốt đẹp. Một số học giả nước ngoài nhận xét rằng, ở Việt Nam, các mối quan hệ cá nhân quan trọng hơn luật pháp, đó là một trong những nguyên nhân của tham nhũng. Nhận xét đó không phải là không có căn cứ.

Hàng nghìn năm canh tác lúa nước theo vòng quay gần như không đổi (cày bừa, gieo mạ, cấy, làm cỏ, bón phân, gặt) đã tạo nên một nếp sống chu kỳ khá ổn định qua các thế hệ. Tất cả những điều đó tạo nên một kiểu tư duy lối mòn, ngại thay đổi, ngại đổi mới. Sự lặp lại hầu như không đổi như vậy của công việc làm cho con người trở nên an phận (họ tự thỏa mãn với mình, không cố gắng phân tích, tìm hiểu sự vật, hiện tượng xung quanh, không thấy cần khái quát lý luận, vốn kinh nghiệm đã tích lũy); từ đó hình thành nên lối tư duy thiên về kinh nghiệm, xem nhẹ lý luận. Lối tư duy thiên về kinh nghiệm có tác dụng nhất định với người nông dân

trong điều kiện sản xuất lạc hậu, nhưng không còn thích hợp với con người hiện đại ở thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với yêu cầu phát triển nhanh chóng khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất thì lối tư duy thiên về kinh nghiệm không những không thích hợp, mà còn cản trở sự phát triển.

Nông dân Việt Nam hàng nghìn năm sống theo “làng, xã”; điều đó đã hình thành nên một kiểu tư duy “duy tình” (“chín bỏ làm mười”, “một trăm cái lý không bằng một tý cái tình”) kiểu tư duy duy tình này đối lập với kiểu tư duy “duy lý” của phương Tây. Tư duy duy tình có mặt tốt vì nó khuyên con người sống với nhau có tình, có nghĩa (“thương người như thể thương thân”, “từ bi hỉ xả”, “lá lành đùm lá rách”...). Tuy nhiên, tư duy duy tình có những hạn chế nhất định, trong một số trường hợp trở thành lực cản của sự phát triển xã hội.

Tư duy duy tình sẽ dẫn đến hậu quả là: coi trọng các mối quan hệ tình cảm hơn tài năng, năng lực, đặc biệt trong cách đánh giá, dùng người; hạn chế tầm nhìn, không đi đến tận cùng bản chất sự việc, thậm chí dẫn đến thừa nhận hoặc bao che cho những việc làm sai trái. Ví dụ, với kiểu tư duy duy tình, người ta có thể dễ thông cảm cho những hiện tượng như bác sĩ nhận phong bì, thầy giáo nhận tiền của học sinh, cảnh sát mại lộ,

quan chức tham nhũng..., mà không nghĩ đến những hậu quả hết sức nặng nề của những hiện tượng đó. Quan tòa nếu giảm án cho tội phạm vì những lý do thuộc về tình cảm, thì có thể để lại hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Trên con đường xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiểu tư duy duy tình là một lực cản không nhỏ. Hệ thống pháp luật của ta còn nhiều kẽ hở, chưa hoàn thiện. Kiểu tư duy duy tình sẽ len lỏi vào những kẽ hở này để trục lợi, gây bất công xã hội. Vì vậy, người làm việc trong lĩnh vực pháp luật phải là người công tâm. Câu “Thương con theo kiểu đàn bà” nói về hậu quả tiêu cực của lối ứng xử duy tình nông nổi. Ví dụ, người mẹ thương con nên nuông chiều, không buộc con phải học tập, lao động, dễ dãi bỏ qua những lỗi lầm; điều đó sẽ làm hại con về sau. Câu “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi” là sự nhắc nhở các bậc cha mẹ cách dạy con đúng đắn. Điều này còn mở rộng ra cả xã hội: nếu trong cơ quan, tập thể mà chỉ có tán dương nhau, dễ dãi bỏ qua các khuyết điểm của nhau, thì điều đó chính là có hại cho bạn bè, đồng chí, cơ quan.

Có người cho rằng, kiểu tư duy duy tình làm cho nền mà nền khoa học nước ta không phát triển, vì trong thời gian dài hàng nghìn năm, người Việt Nam chú trọng văn chương thơ phú mà ít quan tâm đến khoa học, kỹ thuật. Đúng

như vậy, tư duy duy tình là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của khoa học, kỹ thuật. Tư duy duy tình cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thái cực khác là duy ý chí, bất chấp qui luật khách quan. Vì vậy, trong quá trình toàn cầu hóa ngày nay, để có thể hòa nhập tốt với thế giới, để phát triển đất nước một cách bền vững, chúng ta phải khắc phục mặt yếu đó của tư duy duy tình phải trau dồi kiểu tư duy duy lý của người phương Tây. Tư duy duy lý là nền tảng cho khoa học, kỹ thuật. Về phương diện luật pháp, tư duy duy lý là nền tảng cho một nền pháp chế công bằng, bình đẳng, tạo nên một nền văn minh pháp lý cao. Trong phương diện đạo đức, ứng xử, tư duy duy lý là cơ sở để thiết lập quyền bình đẳng giữa người và người, tôn trọng cá tính, quyền riêng tư. Có ý kiến cho rằng, tư duy duy lý đối lập, loại trừ tư duy duy tình. Theo chúng tôi, ý kiến này là không đúng, vì về thực chất, tư duy duy lý bao hàm tư duy duy tình; tư duy duy lý là nền tảng để xây dựng một xã hội nhân đạo, phát triển bền vững. Ví dụ, pháp luật được thực thi nghiêm, công minh sẽ góp phần hạn chế tội phạm, làm cho xã hội bình yên.

Ngoài lối tư duy tiểu nông, ở Việt Nam còn một dạng biến tướng của tư duy tiểu nông là tư duy tiểu trí (tiểu trí thức). Đặc điểm tiêu cực chung của lối

tư duy tiểu trí này là: siêu hình, cục bộ, thiếu trung thực, thường che giấu khuyết điểm, thổi phồng ưu điểm (bệnh thành tích), phô trương hình thức... Lối tư duy tiểu trí này cũng có đặc điểm của tư duy tiểu nông là “duy tình”. Chẳng hạn, trong tranh luận hoặc bàn luận về một vấn đề gì đó, người ta không tuân theo chân lý khách quan; có những lập luận tuy không cãi được, không chỉ ra được bất hợp lý ở chỗ nào, thậm chí trong thâm tâm thấy hoàn toàn hợp lý, nhưng người ta vẫn không chịu thừa nhận. Ở phương Tây không có hiện tượng này (nếu anh không bác bỏ được thì anh phải thừa nhận). Thói quen đổ kỵ ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá sự việc một cách khách quan.

Mặt tiêu cực của lối tư duy tiểu nông, tiểu trí lại ảnh hưởng mạnh đến tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thông qua con người, trước hết qua những người lãnh đạo. Ở nước ta ảnh hưởng này là đáng kể vì đa số cán bộ lãnh đạo các cấp xuất thân từ nông dân. Tầng lớp trí thức ở nước ta cũng hầu hết xuất thân từ nông thôn (giai cấp công nhân Việt Nam rất nhỏ bé không đáng kể). Việc khắc phục những hạn chế của tư duy tiểu nông, tiểu trí sẽ có tác dụng rất lớn để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Khi nói đến tư duy truyền thống của

người Việt Nam, chúng ta không thể không nói đến ảnh hưởng của tam giáo (Đạo Nho, Đạo Phật, Đạo Lão) Đạo Nho coi trọng quan hệ thứ bậc trên dưới, từ đó hình thành tâm lý “thân phận” (không ở vị trí ấy thì không bàn về công việc của vị trí ấy). Tâm lý này đã ăn sâu bám rễ vào nếp nghĩ của người Việt Nam, cản trở việc tiếp thu tư tưởng dân chủ, làm cho con người không có tư tưởng phản biện. Về vấn đề này, Giáo sư Trần Đình Hượu đã viết: “Con người phải nhìn xuống, nhìn lên trong cái thang trật tự trên dưới đó, tự xác định vị trí của mình mà ăn mặc, đi đứng cho phải phép. Đó là con người chức năng trong xã hội luân thường chứ không có nhân cách độc lập”⁽²⁾.

Đạo Phật cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa tư duy của người Việt Nam truyền thống. Quan niệm về “Khổ” dẫn đến lối sống chịu đựng, dẻo dai trước mọi khó khăn thử thách của cuộc sống; hình thành nên quan niệm về nhân quả dạy người ta tích đức để cho đời sau. Đạo Lão chủ trương xa lánh những gì là nhân tạo, quay về bắt chước tự nhiên, vô vi; sống chết họa phúc là những điều tự nhiên, không cần can thiệp, vì trong cái này đã có cái kia và ngược lại (trong họa có phúc, trong phúc có họa...). Lối tư duy “lánh đời” của Đạo Lão làm cho người ta thủ tiêu đấu tranh với cái xấu trong xã hội. Lối tư

duy đó không phù hợp với giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Văn hóa Pháp cũng là một yếu tố hình thành nên tư duy truyền thống người Việt Nam. Sự ảnh hưởng của văn hóa Pháp đã để lại chữ Quốc ngữ, một số tư tưởng dân chủ phương Tây và nhiều giá trị văn hóa khác. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng chỉ tập trung vào tầng lớp trí thức chiếm một tỉ lệ nhỏ trong xã hội.

Văn hóa Mỹ cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến người dân miền Nam Việt Nam. Nhờ đó, với phong cách tư duy duy lý ở phương Tây, tư duy của người miền Nam năng động hơn so với người miền Bắc; người miền Nam thích ứng với kinh tế thị trường nhanh hơn và tốt hơn người miền Bắc.

Một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng không nhỏ đối với tư duy truyền thống Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin. Hệ tư tưởng này được áp dụng vào thực tiễn Việt Nam ở miền Bắc sớm hơn so với miền Nam khoảng hai chục năm đã hình thành nên một phong cách tư duy gọi là “tư duy bao cấp”. Lối tư duy này hiện nay có ảnh hưởng không nhỏ đến người Việt (chủ yếu ở người miền Bắc). Nhiều học giả cho rằng, ở thời kỳ này con người được “bao cấp” cả sự suy nghĩ; một người nghĩ cho nhiều người, cho cả

⁽²⁾ Xem: Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr. 395.

tập thể, còn đa số thì làm theo một cách thụ động, triệt tiêu tính sáng tạo. “Tư duy bao cấp” cũng có khía cạnh giống với tư duy tiểu nông: sợ sự thay đổi hoặc “dị ứng” với những ý nghĩ, hành động khác với mọi người. Cả xã hội dường như được nhát thể hóa theo kiểu “chết đông hơn sống một người”, “khôn độc không bằng ngốc đàn”. Đó cũng là biểu hiện của tư tưởng bình quân, cào bằng, không muốn người khác hơn mình, đố kị, hãm hại người tài giỏi hơn mình... Về vấn đề này, Nguyễn Thái Hợp có một nhận xét đáng lưu ý: “Thời kỳ bao cấp chẳng hạn, vì quá đề cao tính xã hội và tính tập thể của con người đến độ lãng quên, hay tệ hơn nữa, phủ nhận nét độc đáo của mỗi cá nhân, vô hình trung đã đi đến chỗ “đoàn ngũ hóa” con người bằng các đoàn thể phong trào... Con người được dựng nên từ những phong trào và tìm niềm hăng say phấn khởi trong bầu không khí ấy, chạy theo thành tích, chạy theo đám đông... chỉ tìm cách khẳng định mình bằng những thành tích được khen thưởng đó, chứ không xây dựng trên một cá nhân tự tại, tự lập, có trách nhiệm cao và sáng tạo”⁽³⁾.

Cũng cần phải thừa nhận mặt tích cực của “tư duy bao cấp”. Đó là: nó góp phần làm ổn định xã hội, tạo điều kiện và cơ hội cho những người yếu thế, dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì mặt

trái của lối tư duy này (tính độc quyền, cơ chế xin - cho, tính ỷ lại, ngại thay đổi, đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm cá nhân...) cần sớm được khắc phục. Những tàn dư của “tư duy bao cấp” ở nước ta hiện nay còn khá nặng nề và gây tác hại rất lớn, đặc biệt là cơ chế xin - cho. Cơ chế xin - cho gây tác hại nghiêm trọng nên cần sớm được khắc phục một cách triệt để.

Tư duy truyền thống của người Việt được hình thành và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc. Tư duy truyền thống có mặt tích cực là làm cho dân tộc ta không những đứng vững, mà còn phát triển, hòa vào dòng chảy chung của văn minh nhân loại. Nhưng tư duy truyền thống của người Việt Nam cũng có mặt tiêu cực như chúng tôi phân tích ở trên. Mặt tiêu cực của tư duy truyền thống đã và đang được khắc phục cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quá trình khắc phục đó cần phải được thực hiện một cách chủ động, tích cực. Chúng ta cần phải có kế hoạch cụ thể trong việc xây dựng phong cách tư duy khoa học cho người Việt Nam, trước mắt là phải làm cho nền giáo dục nước nhà ngang tầm với các nền giáo dục của khu vực và thế giới.

⁽³⁾ Phạm Văn Đức (Chủ biên) (2007), *Toàn cầu hóa trong bối cảnh Châu Á - Thái Bình Dương: Một số vấn đề Triết học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 250 - 251.

